

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 224/2026/HS-PT
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 455/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị Minh T do bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 674/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Thị Minh T, sinh năm 1979 tại tỉnh Nam Định; Thường trú: M12 A1 Block M, Chung cư Carilon, đường Trần Văn Danh, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: Số 09 Đường số 18, KDC Lake View, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc Bích và bà Nguyễn Thị Thắng; Có chồng tên là Vũ Quốc Trường và 02 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày

20/11/2020 đến ngày 21/3/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Luật sư Phạm Trung Huỳnh, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Trường Nhứt thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

- Luật sư Hà Thị Hồng Quyên, Văn phòng luật sư Luật Thành thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Ngoài ra còn có 04 bị án khác, 05 người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2017, Nguyễn Văn C tạo lập và quản lý tài khoản Facebook với tên “*Hội nhóm cho nhận con nuôi ba miền*”, mục đích là để các thành viên trong nhóm đăng các thông tin cho và nhận nuôi trẻ sơ sinh, nhưng thực chất là để liên lạc mua, bán trẻ em và đặt làm giả các loại giấy tờ để hoàn thành thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ như Giấy chứng sinh, Giấy ra viện. C thuê một đối tượng (chưa rõ lai lịch) làm giả một căn cước công dân tên Cao An N để mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và tạo một tài khoản mạng xã hội Zalo tên Cao An N để trao đổi thông tin và nhận tiền với những người thuê làm giấy tờ giả. Khi các thành viên tham gia vào nhóm muốn đăng tin thì phải được sự đồng ý của C và muốn đặt làm giấy tờ giả thì liên lạc với tài khoản mạng xã hội Zalo tên Cao An N. C thực hiện việc làm giả các tài liệu bằng cách mua một máy in màu, một máy vi tính rồi lên mạng Internet tải về các biểu mẫu giấy chứng sinh, giấy ra viện và con dấu của các Bệnh viện phụ sản. Khi người thuê làm giả gửi thông tin qua tài khoản zalo tên Cao An N thì C in biểu mẫu, tự ký giả chữ ký của bác sỹ Bệnh viện phụ sản rồi in màu con dấu của Bệnh viện lên chữ ký, giá mỗi Giấy chứng sinh giả là 3.000.000 đồng và mỗi Giấy ra viện giả là 1.000.000 đồng. Sau khi làm xong, người mua trả tiền bằng cách chuyển vào tài khoản của Cao An N tại Vietcombank và C chuyển phát nhanh hoặc thuê xe ôm công nghệ Grab giao giấy giả cho người mua.

Ngày 10/11/2020, khi C mang 03 Giấy chứng sinh giả ra Bưu điện gửi thì bị Cơ quan Công an phát hiện, thu giữ 03 Giấy chứng sinh của Bệnh viện Từ Dũ và Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

Bị cáo Lê Thị Minh T tham gia tài khoản Facebook “*Hội nhóm cho nhận con nuôi ba miền*”, đăng tin tìm một trẻ sơ sinh cho Vũ Thị N¹ (là em chồng của T) để nhận làm con nuôi. Thấy vậy, Nguyễn Thị Thu T¹ (là người tham gia tài khoản Facebook “*Hội nhóm cho nhận con nuôi ba miền*”) liên lạc với T thông báo có một bé gái sơ sinh tại Bệnh viện Hùng Vương, nếu muốn nhận nuôi thì phải trả số tiền là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). T đồng ý. Ngày 21/9/2020, T¹ hẹn T đến trước cổng số 2 Bệnh viện Hùng Vương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để giao nhận bé gái sơ sinh nêu trên. Tại đây, T tiếp nhận bé gái sơ sinh và đưa cho T¹ số tiền 42.000.000 đồng. Sau đó, T không giao bé gái này cho N¹ mà trực tiếp nhận nuôi, nên để hợp thức hóa các giấy tờ, T liên hệ qua điện thoại với C thông qua số điện thoại tên Cao An N để đặt làm giả 01 Giấy chứng sinh, 01 Giấy ra viện, 01 Giấy xét nghiệm ADN và 01 Phiếu tiêm chủng với giá tiền là 9.000.000 đồng. Với các giấy tờ giả này, T làm giấy khai sinh cho bé gái tên là Vũ Hà A và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà số 9, đường số 18, khu dân cư Lake View, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04/10/2020, T tiếp tục liên lạc với T¹ để nhận nuôi thêm một cháu bé thì T¹ thông báo có một bé gái sơ sinh khoảng 03 ngày tuổi giá là 35.000.000 đồng, T đồng ý. Ngày 06/10/2020, T¹ hẹn T đến cổng số 2 Bệnh viện Hùng Vương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận cháu bé. Do bận việc nên T¹ nhờ Hồng Văn T² (sinh năm 1978, HKTT: 182/75 Bạch Đằng, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh) đến Bệnh viện Hùng Vương gặp T nhận số tiền 19.000.000 đồng, nhờ Trần Thị L (sinh năm 1978; HKTT: Thôn An Thành Đông, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long) dẫn T gặp mẹ cháu bé nhận bé gái sơ sinh và trả số tiền 16.000.000 đồng cho người mẹ. Sau khi tiếp nhận cháu bé, T lên “*Hội nhóm cho nhận con nuôi ba miền*” đăng tin tìm người nhận nuôi. Lúc này, anh Trương Thanh H (sinh năm 1988; HKTT: 53/7 Mai Hắc Đế, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) đồng ý nhận nuôi. Ngày 10/10/2020, anh H cùng với chị Phạm Thị Hồng V¹ (sinh năm 1993; HKTT: 74 đường B, khu ADC, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) đến gặp T tại địa chỉ số 665-667 Đỗ Xuân Hợp, Thành phố Thủ Đức nhận cháu bé gái sơ sinh và trả cho T số tiền 20.000.000 đồng. Để hợp thức hóa việc nuôi dưỡng, anh H đã liên hệ với tài khoản mạng xã hội tên Cao An N để đặt làm giả 01 Giấy chứng sinh với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, anh H làm giấy khai sinh cho cháu bé tên Trương Bảo V và trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà số 53/7 Mai Hắc Đế, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, Lê Thị Minh T khai nhận đã vào trang mạng “*Hội nhóm cho và nhận con nuôi ba miền*” để đăng tin tìm nuôi một trẻ sơ sinh. Thấy vậy,

Nguyễn Thị Thu T¹ đã liên hệ với T và thỏa thuận giá là 42.000.000 đồng. Ngày 21/9/2020, T đến cổng số 2 Bệnh viện Hùng Vương gặp T¹ đưa tiền và nhận 01 bé gái sơ sinh đem về nuôi dưỡng. Sau đó, T liên hệ với tài khoản Zalo tên Cao An N để làm giả Giấy chứng sinh, Phiếu tiêm chủng cá nhân, Giấy xét nghiệm ADN và Giấy ra viện với giá 9.000.000 đồng, rồi làm giấy khai sinh cho cháu bé là Vũ Hà A hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ngày 04/10/2020, T tiếp tục liên hệ với T¹ để mua 01 trẻ sơ sinh với giá là 35.000.000 đồng. Ngày 06/10/2020, T đến cổng số 2 Bệnh viện Hùng Vương để nhận một bé gái. Sau đó, T đăng tin cho con trên trang mạng “*Hội nhóm cho nhận con nuôi ba miền*” và được anh Trương Thanh H nhận nuôi. T không ra giá mà tùy anh H trả bao nhiêu tiền cũng được. Ngày 10/10/2020, T gặp vợ chồng anh H để bán cháu bé gái nêu trên với giá là 20.000.000 đồng (Cháu Trương Bảo V).

Ngoài ra, Nguyễn Văn C cùng với Nguyễn Thị Thu T¹, Trần Thị Sao M, Hồ Thị Thu N² còn mua bán 03 trẻ sơ sinh khác;

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trích xuất dữ liệu tại thư mục truyền file của tài khoản mạng xã hội Zalo “Cao An N” sử dụng thuê bao điện thoại di động số 0912840176 có 12 hình ảnh là Giấy chứng sinh, Giấy ra viện, Phiếu tiêm chủng cá nhân và Phiếu siêu âm của Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Phụ sản Trung Ương, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. Đây là các giấy tờ giả do C chụp ảnh lưu lại trước khi gửi cho người mua.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh thông tin chủ tài khoản và sao kê chứng từ giao dịch tài khoản tên Cao An N tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, từ ngày 26/01/2020 đến ngày 20/11/2020, kết quả như sau:

“+ Số tài khoản 0331000518338 do Cao An N (sinh năm 1990; cư trú: 9/39 khu phố Phước Hậu, phường Long Phước, quận 9, TP.Hồ Chí Minh) đứng tên chủ tài khoản và được mở vào ngày 06/01/2020.

+ Tổng số tiền ghi có (số tiền đã nhận) là 1.572.295.293 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi ba đồng).

+ Tổng số tiền ghi nợ (số tiền đã rút) là 1.488.414.200 (Một tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu bốn trăm mười bốn ngàn hai trăm đồng).

+ Tổng số tiền dư hiện tại là 83.981.097 đồng (Tám mươi ba triệu chín trăm tám mươi một ngàn không trăm chín mươi bảy đồng).”

Kết luận giám định số 2317/KLGD-TT ngày 17/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định con dấu, chữ ký trên 02 Giấy chứng sinh có chữ ký của bác sỹ Võ Văn T³, dấu mộc đỏ của

Bệnh viện Từ Dũ, 01 Giấy chứng sinh có chữ ký của bác sỹ Đặng Thị H², dấu mộc đỏ của bệnh viện Hùng Vương, như sau (BL số 16):

*“1. Hình dấu tròn có nội dung “BỆNH VIỆN TỪ DŨ * SỞ Y TẾ * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên hai tài liệu cần giám định không phải do cùng một con dấu đóng ra.*

*2. Hình dấu tròn có nội dung “BỆNH VIỆN HÙNG VƯƠNG * SỞ Y TẾ * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên hai tài liệu cần giám định không phải do cùng một con dấu đóng ra.”*

Kết luận giám định số 6340/KLGD-TT ngày 02/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định con dấu, chữ ký trên 01 Giấy chứng sinh có chữ ký của bác sỹ Lê Thị V², dấu mộc đỏ của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, 01 Phiếu tiêm chủng của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội có chữ ký của bác sỹ Phan Trung H³, như sau (BL số 516):

*“Hình dấu tròn có nội dung “SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI*BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HÀ NỘI” trên hai tài liệu cần giám định không phải do cùng một con dấu đóng ra.”*

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thu T¹, Trần Thị Sao M, Lê Thị Minh T, Hồ Thị Thu N² đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Lê Thị Minh T một (01) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 10, số seri: R58M797L66B và còn thu giữ vật chứng của các bị cáo khác

Tại Bản Cáo trạng số 362/CT-VKS-P2 ngày 06/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thị Minh T về tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo điểm b khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và còn truy tố 04 bị án khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 674/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Minh T 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 20/11/2020 đến ngày 21/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Lê Thị Minh T phải nộp tiền thu lợi bất chính là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt, hình phạt bổ sung đối với 04 bị án khác; về biện pháp tư pháp đối với 04 bị án khác; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2025 bị cáo Lê Thị Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị Minh T khai nhận có thực hiện các hành vi như Bản án sơ thẩm đã xử. Khi bị cáo đưa cháu Trương Bảo V về thì em chồng của bị cáo đòi ý không muốn nhận con nuôi nên bị cáo mới đăng tin cho con chứ không phải bán con và không có ra giá, không đặt điều kiện về tiền bạc, số tiền vợ chồng ông H tự nguyện đưa cho bị cáo là để bồi dưỡng cho mẹ của cháu, họ nài nỉ nhiều lần nên bị cáo mới miễn cưỡng nhận, việc này đã được vợ chồng ông H, bà V¹ xác nhận tại Đơn xác nhận ngày 15/5/2021, bị cáo không có yếu tố mua bán hay trục lợi mà xuất phát từ mục đích nhân đạo, không mang tính chất chuyên nghiệp để trục lợi, việc giao nhận tiền khi giao nhận con không phải là động cơ hay mục đích mà bị cáo hướng đến. Bị cáo có quá trình nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm rõ bản chất vụ án, đã tự nguyện nộp lại số tiền đã nhận, gia đình có truyền thống cách mạng, cha mẹ đều nguyên là cán bộ Nhà nước, cha là Đảng viên, chú ruột là liệt sĩ, hiện bị cáo đang chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Hà A có cuộc sống tốt, bản thân đang mắc nhiều bệnh hiểm nghèo phải thường xuyên nhập viện điều trị nên xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đạt giải Ba giáo viên giỏi huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, trong thời gian được cho tại ngoại, bị cáo có đóng góp tiền cho Chương trình “Mẹ đỡ đầu” của xã Thanh Miện nên xin được giảm nhẹ hình phạt. Bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn, bị cáo đã giao cho người khác 35.000.000 đồng để được nhận cháu Trương Bảo V và bị cáo nhận của vợ chồng ông H, bà V¹ chỉ có 20.000.000 đồng là ít hơn số tiền bị cáo đã giao cho người khác, nhưng Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải nộp thu lợi bất chính 15.000.000 đồng là không đúng.

Các luật sư đề nghị xem xét bị cáo không có chủ đích sử dụng hoạt động cho nhận con nuôi để trục lợi, mà chỉ là do muốn tìm con nuôi cho em chồng. Việc bị cáo nhận tiền không phải là chủ ý của bị cáo mà là do ông H tự nguyện. Trước khi giao con cho ông H thì bị cáo đã nghiên cứu trước hoàn cảnh gia đình

ông H, thấy gia đình ông H có đủ điều kiện nuôi con tốt thì bị cáo mới giao con. Theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lợi dụng hoạt động cho nhận con nuôi để phạm tội phải có đủ 2 yếu tố, đó là: Phải có động cơ, mục đích ngay từ đầu và phải có kế hoạch phạm tội dưới vỏ bọc cho nhận con nuôi để trục lợi. Bị cáo T không thỏa mãn hai yếu tố trên, bị cáo không ra giá khi cho con, mà chỉ là hành vi nhân đạo, không lợi dụng hoạt động cho nhận con nuôi để trục lợi. Do đó bị cáo chỉ phạm tội theo điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự chứ không phạm tội theo điểm b khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm đã nhầm lẫn khi tuyên buộc bị cáo phải nộp thêm 15 triệu đồng và sự nhầm lẫn này có ảnh hưởng đến việc lượng hình. Số tiền 20 triệu đồng mà bị cáo đã nộp không phải là tiền thu lợi bất chính mà đó là tiền khắc phục hậu quả, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo; Hiện nay cháu Hà A và cháu Bảo V đều được nuôi dưỡng tốt nên hậu quả hạn chế, đề nghị điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo; Bị cáo có quá trình nhân thân tốt, trước đây là giáo viên tiểu học, đạt giải Ba giáo viên giỏi cấp huyện nên đề nghị áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo; Tóm lại, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự; Các điểm b, s, h, v khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ. Về nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đã xử phạt bị cáo 12 năm tù là tương xứng, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, đạt giải Ba giáo viên giỏi cấp huyện và đóng góp thiện nguyện cho địa phương nên đề nghị xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị Minh T đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với Biên bản nhận dạng, Biên bản đối chất, các kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định vào tháng 10 năm 2020, bị cáo Lê Thị Minh T tham gia tài khoản Facebook “*Hội nhóm cho nhận con nuôi ba miền*”, đã trả 35.000.000 đồng để nhận 01 trẻ sơ sinh (Trương

Bảo V) rồi giao trẻ sơ sinh (Trương Bảo V) lại cho vợ chồng ông Trương Thanh H nuôi và nhận 20.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo không đơn thuần là chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, mà bị cáo đã thông qua Hội nhóm cho nhận con nuôi để trả tiền cho việc nhận con nuôi và sau đó cũng thông qua Hội nhóm cho nhận con nuôi để giao con cho người khác và có nhận tiền, tức là bị cáo đã lợi dụng vào hoạt động cho nhận con nuôi để phạm tội. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo điểm b khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội nên không có cơ sở để chấp nhận lời bào chữa của luật sư cho rằng bị cáo chỉ phạm tội theo điểm a khoản 1 Điều 151 của bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, gây mất trật tự, an ninh, an toàn xã hội nên bị cáo phải chịu hình phạt.

Số tiền bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã nhận của ông Trương Thanh H, không phải là tiền bồi thường thiệt hại cho người bị hại là cháu Trương Bảo V và cha, mẹ đẻ của cháu Trương Bảo V. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời bào chữa của luật sư yêu cầu áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Bản án sơ thẩm đã xem xét bị cáo phạm tội nhưng không có tình tiết tăng nặng và đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mẹ của bị cáo có huy chương kháng chiến hạng Nhất, chú ruột là liệt sĩ, bị cáo có quá trình nhân thân tốt, đang mắc nhiều bệnh, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện để được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và đã xử phạt bị cáo 12 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm đã là thoả đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình Giấy xác nhận bị cáo có đóng góp tiền cho Hội Liên hiệp phụ nữ xã Thanh Miện và Giấy chứng nhận của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương chứng nhận bị cáo đạt giải Ba giáo viên giỏi cấp huyện (Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 316/2026/TB-TA ngày 05/3/2026 đề nghị Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm tra, đánh giá tính xác thực của Giấy chứng nhận này và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đề nghị xem xét tình tiết này để giảm nhẹ cho bị cáo). Việc bị cáo đạt giải Ba giáo viên giỏi cấp huyện được xem là có thành tích xuất sắc, nên

bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và một phần lời bào chữa của luật sư, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp;

[4] Khi nhận cháu Trương Bảo V thì bị cáo đã trả 35.000.000 đồng, còn khi giao cháu Trương Bảo V cho ông Trương Thanh H thì bị cáo chỉ mới nhận được 20.000.000 đồng, thấp hơn số tiền bị cáo đã trả, nên Bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải nộp thêm tiền thu lợi bất chính 15.000.000 đồng là không đúng, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm và không buộc bị cáo phải nộp 15.000.000 đồng để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[5] Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt, hình phạt bổ sung đối với 04 bị án khác; về biện pháp tư pháp đối với 04 bị án khác; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Minh T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 674/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt và về buộc nộp tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Lê Thị Minh T;

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 151; điểm s điểm v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*”;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Minh T 09 (Chín) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 20/11/2020 đến ngày 21/3/2023.

2.2. Bị cáo Lê Thị Minh T không phải nộp số tiền (Bản án sơ thẩm xác định là tiền thu lợi bất chính) 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

3. Bị cáo Lê Thị Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt, hình phạt bổ sung đối với 04 bị án khác; về biện pháp tư pháp đối với 04 bị án khác; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Bị cáo Tâm;
- Các Luật sư;
- Lưu: HS, VP (TPQ- 17b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

